TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 01 /2020/ HNGĐ-ST
Ngày: 05 -01-2021
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hải và bà Nguyễn Thùy Hương

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 205/2020/TLST- HNGĐ ,ngày 04 tháng 12 năm 2020; về việc xin ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Q, có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Q, có đơn xin vắng mặt.

Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2015, quyển số 01/2013, ngày 13/4/2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Q.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên phiên tòa anh Phạm Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị N kết hôn tự nguyện có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Q vào ngày 13 tháng 4 năm 2015; trong quá trình chung sống cả hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn trái ngược nhau, bất đồng quan điểm sống, đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không hòa hợp được, hai vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn. Nay anh T xin ly hôn chị N.

Về con chung, tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong đơn xin vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị N (Có xác nhận của chính quyền địa phương) trình bày: Đề nghị Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị vì lý do công việc cá nhân, hiện tại chị N đi làm ăn xa ở Miền Nam, đi lại khó khăn; con chung, tài sản chung và công nợ không có, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh giữa anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị N là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Chị N có đơn xin vắng mặt (có xác nhận của chính quyền địa phương), đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N và vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị N kết hôn tự nguyện có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Q vào ngày 13 tháng 4 năm 2015; đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị đã có thời gian ngắn chung sống hạnh phúc rồi sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nên có nhiều bất đồng, mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, mức độ ngày càng trầm trọng không thể dung hoà được, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ lâu, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh T xác định tình cảm không còn, yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn; bị đơn chị N đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xử cho anh Thành ly hôn chị Nhân là có căn cứ.

[4].Về con chung; tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. Về án phí: Anh T chịu nộp án phí ly hôn để sung công quỹ Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

[6].Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 57 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn T ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung; tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn T chịu nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) anh T đã nộp theo Biên lai số 0000525 ngày 04 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; như vậy, anh T đã nộp đủ án phí.

5. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/01/2021); bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
-Tòa án ND tỉnh Quảng Bình;
-VKS huyện Bố Trạch(2)
-Chi cục THA DS huyện Bố Trạch;
-Chị Nguyễn Thị N;
-Anh Phạm Văn T;
-UBND xã N(Để biết);
-Lưu hồ sơ, vpTòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân